

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2026/DS-ST
Ngày: 29- 4 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Tìl

2. Bà Võ Thị Kim Son

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Quỳnh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2026/TLST - DS ngày 27 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 321/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T2

Trụ sở chính: I P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hải N – chức vụ: chuyên viên pháp lý (xin vắng mặt).

Địa chỉ: B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/01/2024, Công ty T2 (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số 5207684 về việc cấp tín dụng cho bà Võ Thị Thu T với khoản vay trị giá 53,850,000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) trong đó bao gồm: 50,000,000 đồng tiền vay và 3,850,000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay 58%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 01/01/2027. Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5207684 giữa Công ty T2 và bà Võ Thị Thu T là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc bà Võ Thị Thu T đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H2 (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H2 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T2. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 08/01/2024, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho bà Võ Thị Thu T theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T2 chuyển khoản vào tài khoản do bà Võ Thị Thu T cung cấp tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5207684 (Tên tài khoản: VO THI THU THANH - Số tài khoản: 85259336868 - Tại Ngân hàng TMCP Q (M) - Số tiền giải ngân 50,000,000 - Nội dung: MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN VO THI THU THANH HD 5207684). Qua quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Thu T đã thanh toán được 16 kỳ với tổng số tiền 51,159,966 đồng (Năm mươi một triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó bao gồm: 14,886,901 đồng tiền gốc và 36,117.065 đồng tiền lãi; 156,000 đồng tiền phí thu hộ (Lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại "Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng" đính kèm theo đơn khởi kiện). Tuy nhiên ngày 30/07/2025, bà

Võ Thị Thu T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn. Công ty T2 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Võ Thị Thu T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng, nhưng bà Võ Thị Thu T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T2. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn như sau: "Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong thỏa thuận cho vay và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay." Căn cứ theo Điểm a, điểm f khoản 11.2 Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T2 (Việt Nam) quy định: "MAFC sẽ có quyền đơn phương chấm dứt cho vay đối với Khách H1, đồng thời MAFC cũng có quyền thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn từ K, khi xảy ra một trong các trường hợp "a. Khách hàng vi phạm Hợp Đồng Tín Dụng và BDK&ĐK này; MAFC không thể liên lạc được với Khách Hàng từ 01 tháng trở lên, vì Khách Hàng không thông báo cho MAFC khi thay đổi địa chỉ liên lạc, thay đổi số điện thoại, thay đổi địa chỉ thư điện tử tại Hợp Đồng T." Như vậy, việc bà Võ Thị Thu T không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T2, đồng thời Công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn với bà Võ Thị Thu T. Tính đến ngày 13/04/2026, bà Võ Thị Thu T còn nợ Công ty số nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 38.963.099 đồng, số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán 16.799.488 đồng, Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 6.435.880 đồng, số tiền lãi chậm trả ($10\% \times$ số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn / 365 ngày) là 827.318 đồng. Như vậy, tính đến ngày 13/04/2026 số tiền bà Võ Thị Thu T phải thanh toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 63.025.785 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng). Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Thu T phải

thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 13/04/2026 với tổng số tiền là: 63.025.785 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi lăm đồng) và lãi phát sinh từ ngày 14/04/2026 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Bị đơn Võ Thị Thu T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Công ty T2 (sau đây gọi tắt là "Công ty T2") khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Bà Võ Thị Thu T, cư trú tại Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 5207684 ngày 08/01/2024 giữa bà Võ Thị Thu T với Công ty T2; căn cứ sao kê chuyển khoản do Ngân hàng TMCP K xác nhận, đủ căn cứ xác định bà Võ Thị Thu T có vay tại Công ty T2 số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: mười chín triệu bốn trăm), phí bảo hiểm khoản vay 3.850.000 đồng; Mục đích vay nhằm để tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay 36 tháng; Lãi suất vay 58%/năm; Lãi quá hạn 150% lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi và gốc được thanh toán hàng tháng (chia ra nhiều kỳ).

Căn cứ sao kê do Công ty T2, từ kỳ thứ 17 (01/6/2025) bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 13/4/2026, bà T còn nợ Công ty T2 số tiền 63.025.785 đồng (trong đó nợ gốc 38.963.099 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán 16.799.488 đồng, Số tiền lãi quá hạn 6.435.880 đồng, số tiền lãi chậm trả 827.318 đồng).

Bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu để chứng minh số tiền mình đã trả cho Công ty T2. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty T2 cung cấp, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 6 Điều 95; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 98, 100, 108 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2. Buộc bà Võ Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 số tiền 63.025.785 đồng (trong đó nợ gốc 38.963.099 đồng, lãi trong hạn chưa thanh toán 16.799.488 đồng, Số tiền lãi quá hạn 6.435.880 đồng, số tiền lãi chậm trả 827.318 đồng), tính đến ngày 13/4/2026.

2. Kể từ ngày 14/4/2026 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T2 cho vay thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Công T1 cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

3. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Thu T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.151.289 đồng. Công ty T2 không phải nộp án phí. Đại diện Công ty T2 đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.279.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001673 ngày 23/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS ;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm